TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST Ngày: 10 - 5 - 2023 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành

2. Ông Nguyễn Đức Trường Kháng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 754/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim N , sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Bùi Văn N , sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim N trình bày: Chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau năm 2008, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu, tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ngày 10/4/2008 chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường TT, thành phố Thái Nguyên.

Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng kể từ năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách; Bản thân chị N

hay ghen tuông, còn Anh N thì hay uống rượu chè và có nhiều lời lẽ xúc phạm đến chị và gia đình; Chị N bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay.

Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Văn N .

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã có 02 con chung là: Cháu Bùi Nhật H , sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014 (hiện 02 con vẫn đang ở với chị N). Khi vợ chồng ly hôn chị N đề nghị Toà án giao cả 02 con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu Anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị Nguyễn Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: Anh N xác định quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống như chị N trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hòa hợp với nhau, bản thân Anh N có khó khăn về kinh tế, nên ít có điều kiện quan tâm, chăm sóc được cho vợ con, chị N đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và làm ăn từ tháng 4 năm 2022 và vợ chồng ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Hiện nay Anh N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí với yêu cầu của ly hôn của chị N, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Nhật Hải, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014, hiện nay 02 cháu đang ở với chị N. Trường hợp vợ chồng ly hôn Anh N đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho Anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh N không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải để các đương sự về đoàn tụ hoặc thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy cần đưa vụ án ra xét xử để xem xét yêu cầu khởi kiện và nguyện vọng của các bên.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Nguyễn Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn anh Bùi Văn N không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Trường hợp vợ chồng ly hôn Anh N nhất trí để cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dụng*:* Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Kim N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Bùi Văn N .

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cả 02 con chung là cháu Bùi Nhật Hải, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014 cho chị Nguyễn Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến 02 con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Bùi Văn N phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Bùi Nhật Hải, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 10/5/2023.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu toà án giải quyết, nên không xem xét

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện chị Nguyễn Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Bùi Văn N , sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 10, phường TT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - Xác định đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" - Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép và đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật tại UBND phường TT, thành phố Thái Nguyên ngày 10/4/2008. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N là hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ.

[2.2]. *Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*:

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*".

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N , HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng kể từ năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, các bên thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống cũng như việc sắp xếp các công việc trong gia đình và nuôi dạy con cái, dẫn đến cuộc sống vợ chồng trầm trọng và ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến này. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân các bên đều không tìm ra được phương pháp và tiếng nói chung để khắc phục tình trạng hôn nhân trên. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim N đối với anh Bùi Văn N là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N có 02 con chung là: cháu Bùi Nhật H , sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014. Hiện 02 con đều đang ở với chị N.

Xét yêu cầu, nguyện vọng của các bên về việc chăm sóc, giáo dục con chung khi vợ chồng ly hôn, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa anh Bùi Văn N và chị Nguyễn Kim N đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc con chung- Theo đó Anh N và chị N nhất trí thỏa thuận: Giao cả 02 con chung là cháu Bùi Nhật H và cháu Bùi Linh C cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. HĐXX thấy rằng cần sự thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chưa thành niên, nên cần giao cả 02 con chung là cháu Bùi Nhật H và cháu Bùi Linh C cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế, thu nhập, mức bình quân sinh hoạt tại địa phương, nên được chấp nhận và buộc anh Bùi Văn N phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Bùi Nhật H và cháu Bùi Linh C với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 10/5/2023.

[2.5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyên đơn được chấp nhận, nhưng chị Nguyễn Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Anh Bùi Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Kim N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Bùi Văn N .

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuân của các đương sự: Giao cả 02 con chung là cháu Bùi Nhật Hải, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014 cho chị Nguyễn Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến 02 con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Bùi Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Bùi Nhật H , sinh ngày 04/10/2008 và cháu Bùi Linh C , sinh ngày 23/6/2014, với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 10/5/2023.

Kể từ ngày đến thời điểm có nghĩa vụ cấp dưỡng và chị Nguyễn Kim N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Văn N không thi hành được khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có

quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Kim N và anh Bùi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Kim N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai số 0000451 ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Buộc anh Bùi Văn N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn (chị Nguyễn Kim N), Bị đơn (anh Bùi Văn N) có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND phường TT, TP. Thái Nguyên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cần